

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ DĨ AN
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 49/2019/HS-ST
Ngày 27-02-2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ DĨ AN TỈNH BÌNH DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Ngọc Công.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Hoàn;
2. Ông Nguyễn Hiếu Trọn.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tố Anh, Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Thắng Lợi, Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 02 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 04/2019/TLST-HS ngày 04 tháng 01 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 42/2019/QĐXXST-HS ngày 30 tháng 01 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 08/2018/HSST ngày 21 tháng 02 năm 2019 đối với các bị cáo:

1. Lê Văn T, sinh năm 1988 tại tỉnh Thanh Hóa; thường trú: Thôn 4B, xã T Th, huyện N C, tỉnh Thanh Hóa; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 09/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; con ông Lê Văn B, sinh năm 1950 và bà Nguyễn Thị Th, sinh năm 1952; bị cáo có 03 anh chị ruột, lớn nhất sinh năm 1976, nhỏ nhất sinh năm 1985; tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Ngày 17/3/2015 bị Công an thị xã D A, tỉnh Bình Dương ra Quyết định xử phạt hành chính với số tiền 1.500.000 đồng về hành vi Trộm cắp tài sản; bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 24/9/2018 cho đến nay, có mặt.

2. Phạm Văn Th, sinh năm 1984 tại tỉnh Thanh Hóa; thường trú: Thôn Qu Th, xã Qu Tr, huyện Ng L, tỉnh Thanh Hóa; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 09/12; dân tộc: Mường; tôn giáo: Không; con ông Phạm Văn Ph, sinh năm 1960 và bà Phạm Thị L, sinh năm 1963; bị cáo có 02 em ruột, lớn sinh năm 1986, nhỏ sinh năm 1990; bị cáo có vợ tên là Phạm Thị A, sinh năm 1982, bị cáo có 01 con ruột sinh năm 2005; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 24/9/2018 cho đến nay, có mặt.

- ***Bị hại:*** Ông Đỗ Ngọc A, sinh năm 1976; thường trú: Số 32/11 khu phố B Đ 2, phường A B, thị xã A, tỉnh Bình Dương, có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- ***Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:***

1. Ông Lê Văn H, sinh năm 1984; địa chỉ: Số 30/14 khu phố Th Nh 2, phường D A, thị xã D A, tỉnh Bình Dương, vắng mặt.

2. Bà Ngô Thị Quỳnh Ng, sinh năm 1980; địa chỉ: Số 1A/6 khu phố B Th 2, phường Th Gi, thị xã Th A, tỉnh Bình Dương, vắng mặt.

3. Bà Ngô Thị Quỳnh L, sinh năm 1977; địa chỉ: Tổ H, khu phố Kh L, phường T Ph Kh, thị xã T Uy, tỉnh Bình Dương, vắng mặt.

4. Bà Phạm Thị A, sinh năm 1982; địa chỉ: Thôn M L, xã Ng Tr, huyện Ng L, tỉnh Thanh Hóa, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Lê Văn T và Phạm Văn Th là những người nghiện ma túy, để có tiền và ma túy sử dụng cả hai đi tìm tài sản của người khác trộm cắp bán lấy tiền tiêu xài. Ngày 17/9/2018, Th điều khiển xe mô tô Suzuki Hayate biển số 36B2-423.21, màu trắng - vàng- đen, chở T chạy vòng vòng trên các tuyến đường tìm tài sản trộm cắp, khi đi T mang theo 01 cây xà beng bằng sắt hình chữ L, dài khoảng 35cm, 01 đầu đẹp, 01 đầu chẻ làm đôi. Khoảng 10 giờ cùng ngày, khi cả hai đi đến trước dãy nhà trọ tổ ML, khu phố Ch L, phường T Đ H, thị xã D A, tỉnh Bình Dương thì thấy phòng trọ của ông Đỗ Ngọc A khóa ngoài, xung quanh vắng vẻ không có người trông coi. Thấy vậy, Th đứng ngoài chờ, cảnh giới để T đi vào trong dùng cây xà beng cạy bung ổ khóa đi vào bên trong phòng chiếm đoạt được 01 máy laptop hiệu Dell Inspiron 3467i-30TPSJ2 màu đen. Sau khi chiếm đoạt được tài sản cả hai đem đến tiệm cầm đồ M Đ bán cho ông Lê Văn H được số tiền 1.500.000 đồng và mua ma túy sử dụng hết. Sau đó ông Hoàng bán lại chiếc máy tính nêu trên cho người khác (không rõ nhân thân, lai lịch) với giá 2.000.000 đồng.

Đến khoảng 12 giờ ngày 17/9/2018, ông Đỗ Ngọc A đi làm về, phát hiện bị mất tài sản nên đến Công an phường T Đ H, thị xã D A, tỉnh Bình Dương trình báo sự việc. Ngày 24/9/2018, Công an phường T Đ H phát hiện Lê Văn T và Phạm Văn Th đang ở quán cà phê Ph H nên mời cả hai về phường làm việc. Tại Công an phường Lê Văn T và Phạm Văn Th đã đầu thú khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Toàn bộ hành vi phạm tội của Lê Văn T và Phạm Văn Th đã được camera an ninh tại dãy trọ ghi lại hình ảnh.

Vật chứng thu giữ: 01 (một) cây xà beng bằng sắt hình chữ L, dài khoảng 35cm, 01 đầu đẹp, 01 đầu chẻ làm đôi; 01 (một) USB chứa file ghi hình ảnh trộm cắp tài sản và 01 (một) xe mô tô Suzuki Hayate biển số 36B2- 423.21, màu trắng - vàng - đen, số khung 0C0102976, số máy 4E4127096.

Căn cứ Kết luận định giá tài sản số: 181/BB.ĐG ngày 09/10/2018 của Hội đồng định giá thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương kết luận: 01 (một) máy vi tính xách tay hiệu Dell Inspiron 3467i3 – 30TPSJ2 màu đen, trị giá 5.000.000 đồng.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo và bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án không có ý kiến hay khiếu nại gì về Kết luận định giá tài sản số 181/BB.ĐG ngày 09/10/2018 của Hội đồng định giá thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

Đối với ông Lê Văn H không biết chiếc máy vi tính xách tay hiệu Dell Inspiron 3467i3 - 30TPSJ2 màu đen mà Lê Văn T và Phạm Văn Th bán cho mình là tài sản do phạm tội mà có nên Cơ quan cảnh sát điều tra công an thị xã Dĩ An không đề cập xử lý.

Trong quá trình điều tra, Lê Văn T và Phạm Văn Th còn khai nhận thực hiện thêm 03 vụ trộm cắp tài sản trên địa bàn thị xã Th A, tỉnh Bình Dương nên Cơ quan cảnh sát điều tra công an thị xã Dĩ An đã thông báo cho Cơ quan cảnh sát điều tra thị xã Th A biết để xử lý theo thẩm quyền.

Tại Cáo trạng số 32/CT-VKS ngày 03 tháng 01 năm 2019 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương truy tố Lê Văn T, Phạm Văn Th về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017. Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Dĩ An trong phần tranh luận giữ nguyên quyết định truy tố các bị cáo Lê Văn T, Phạm Văn Th về tội “Trộm cắp tài sản” đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm h, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 để xử phạt các bị cáo Lê Văn T, Phạm Văn Th từ 10 tháng đến 15 tháng tù.

* Về xử lý vật chứng:

- Đối với 01 (một) xe mô tô Suzuki Hayate biển số 36B2- 432.21 màu trắng – vàng - đen, số khung 0C0102976, số máy 4E4127096, trị giá 13.000.000 đồng (Theo Kết luận định giá tài sản số 994/BB.ĐG ngày 30/11/2018 của Hội đồng định giá tài sản thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương) mà bị cáo Phạm Văn Th sử dụng làm phương tiện phạm tội. Đây là tài sản chung của vợ chồng bị cáo Phạm Văn Th và bà Phạm Thị A nên đề nghị tịch thu sung Ngân sách Nhà nước $\frac{1}{2}$ giá trị chiếc xe nêu trên.

- Đối với 01 (một) cây xà beng bằng sắt hình chữ L, dài khoảng 35 cm, 01 đầu đẹp, 01 đầu chẻ làm đôi là công cụ phương tiện sử dụng vào việc phạm tội, không còn giá trị sử dụng nên đề nghị tịch thu tiêu hủy.

* Về trách nhiệm dân sự: Bị hại ông Đỗ Ngọc Anh yêu cầu các bị cáo Lê Văn T và Phạm Văn Th bồi thường giá trị tài sản bị chiếm đoạt với số tiền 5.000.000 đồng là có cơ sở chấp nhận nên đề nghị các bị cáo liên đới bồi thường cho bị hại số tiền trên.

Trước khi Hội đồng xét xử nghị án, các bị cáo không có ý kiến tranh luận với Viện kiểm sát về điều luật áp dụng, khung hình phạt, xử lý vật chứng và về trách nhiệm dân sự đồng thời các bị cáo xin được giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thị xã Dĩ An, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thị xã Dĩ An, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và bị hại không có ý kiến hay khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về nội dung: Khoảng 10 giờ ngày 17/9/2018, tại tổ 15 khu phố Ch L, phường T Đ H, thị xã D A, tỉnh Bình Dương, lợi dụng sơ hở, thiếu cảnh giác của bị hại Đỗ Ngọc A, các bị cáo Lê Văn T và Phạm Văn Th đã lén lút chiếm đoạt 01 (một) máy vi tính xách tay hiệu Dell Inspiron 3467i3 – 30TPSJ2 màu đen, trị giá 5.000.000 đồng.

Theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 quy định: “Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ

2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

- a) Đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi chiếm đoạt tài sản mà còn vi phạm;
- b) Đã bị kết án về tội này hoặc về một trong các tội quy định tại các điều 168, 169, 170, 171, 172, 174, 175 và 290 của Bộ luật này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm;
- c) Gây ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội;
- d) Tài sản là phương tiện kiếm sống chính của người bị hại và gia đình họ;
- đ) Tài sản là di vật, cổ vật...”

Như vậy, hành vi trên đây của các bị cáo Lê Văn T, Phạm Văn Th đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo, bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án trong quá trình điều tra và các chứng cứ, tài liệu đã được thu thập có tại hồ sơ vụ án. Như vậy, Cáo trạng số 32/CT - VKS ngày 03 tháng 01 năm 2019 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương và kết luận của Kiểm sát viên truy tố các bị cáo Lê Văn T, Phạm Văn Th về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật; các bị cáo hoàn toàn đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự.

[3] Tính chất, mức độ của hành vi: Hành vi của các bị cáo lợi dụng sự sơ hở của bị hại chiếm đoạt tài sản có giá trị 5.000.000 đồng là nguy hiểm cho xã hội. Hành vi phạm tội của các bị cáo thực hiện đã xâm phạm quyền sở hữu tài sản của các bị hại được pháp luật bảo vệ. Về nhận thức các bị cáo hoàn toàn biết hành vi trộm cắp tài sản của người khác là trái pháp luật nhưng vì lòng tham, muốn kiếm tiền nhanh chóng không phải lao động để phục vụ nhu cầu bản thân mà các bị cáo cố tình thực hiện. Vì vậy, cần xử phạt các bị cáo với mức án tù tương xứng với tính chất mức độ tội phạm đã thực hiện, có xét đến các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của các bị cáo, đủ để giáo dục, cải tạo các bị cáo và có tác dụng đấu tranh phòng ngừa chung.

[4] Đây là vụ án có tính chất đồng phạm nhưng là giản đơn không có sự cấu kết chặt chẽ, không có sự bàn bạc, phân công vai trò cụ thể khi thực hiện hành vi phạm tội nên không xem là phạm tội có tổ chức. Trong vụ án này bị cáo T là người rủ rê và là người trực tiếp chiếm đoạt tài sản, còn bị cáo Th là người cảnh giới cho bị cáo T chiếm đoạt tài sản của bị hại.

[5] Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[6] Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn; phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, sau khi phạm tội bị cáo đầu thú về hành vi phạm tội của mình. Đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm h, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

[7] Về nhân thân: Các bị cáo là người có nhân thân xấu thể hiện các bị cáo là người nghiện ma túy, bị cáo Tiến đã từng bị xử phạt hành chính về hành vi Trộm cắp tài sản đồng thời các bị cáo còn khai nhận còn thực hiện 03 vụ trộm cắp tài sản trên địa bàn thị xã Th A, tỉnh Bình Dương. Tuy nhiên bị cáo Th là người dân tộc thiểu số nên cũng cần xem xét khi quyết định hình phạt đối với bị cáo.

[8] Đối với ông Lê Văn H không biết chiếc máy vi tính xách tay hiệu Dell Inspiron 3467i3 – 30TPSJ2 màu đen mà Lê Văn T và Phạm Văn Th bán cho mình là tài sản do phạm tội mà có nên Cơ quan cảnh sát điều tra công an thị xã Dĩ An không đề cập xử lý và trong quá trình điều tra, các bị cáo Lê Văn T và Phạm Văn Th còn khai nhận thực hiện thêm 03 vụ trộm cắp tài sản trên địa bàn thị xã Th A, tỉnh Bình Dương nên Cơ quan cảnh sát điều tra công an thị xã Dĩ An đã thông báo cho Cơ quan cảnh sát điều tra thị xã Thuận An biết để xử lý theo thẩm quyền là đúng theo quy định của pháp luật.

[9] Về xử lý vật chứng:

- Đối với 01 (một) xe mô tô Suzuki Hayate biển số 36B2- 432.21 màu trắng – vàng - đen, số khung 0C0102976, số máy 4E4127096, trị giá 13.000.000 đồng (Theo Kết luận định giá tài sản số 994/BB.ĐG ngày 30/11/2018 của Hội đồng định giá tài sản thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương) mà bị cáo Phạm Văn Th sử dụng làm phương tiện phạm tội. Đây là tài sản chung của vợ chồng bị cáo Phạm Văn Th và chị Phạm Thị A nên cần tịch thu sung Ngân sách Nhà nước $\frac{1}{2}$ giá trị chiếc xe và trả lại $\frac{1}{2}$ giá trị chiếc xe cho bà Phạm Thị A.

- Đối với 01 (một) cây xà beng bằng sắt hình chữ L, dài khoảng 35 cm, 01 đầu đẹp, 01 đầu chẻ làm đôi là công cụ phương tiện sử dụng vào việc phạm tội, không còn giá trị sử dụng nên cần tịch thu tiêu hủy.

[10] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại ông Đỗ Ngọc A yêu cầu các bị cáo Lê Văn T và Phạm Văn Th liên đới bồi thường giá trị tài sản bị chiếm đoạt với số tiền 5.000.000 đồng là có cơ sở chấp nhận.

[11] Đối với quan điểm của đại diện Viện kiểm sát đưa ra đối với các bị cáo về các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của các bị cáo, mức hình phạt, xử lý vật chứng và trách nhiệm dân sự. Xét quan điểm đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp, có cơ sở chấp nhận.

[12] Án phí sơ thẩm: Các bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố các bị cáo Lê Văn T, Phạm Văn Th phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm h, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

- Xử phạt bị cáo Lê Văn T 01 (một) năm tù. Thời hạn tù được tính từ ngày 24/9/2018.

- Xử phạt bị cáo Phạm Văn Th 10 (mười) tháng tù. Thời hạn tù được tính từ ngày 24/9/2018.

2. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 và các Điều 584, 585, 589 và 590 Bộ luật Dân sự.

Buộc các bị cáo Lê Văn T, Phạm Văn Th liên đới bồi thường cho bị hại ông Đỗ Ngọc A 5.000.000 (năm triệu) đồng.

Kể từ ngày người được yêu cầu thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chậm thi hành án thì phải chịu tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

3. Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm a khoản 1, khoản 2 Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017; điểm a, c khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

- Tịch thu sung quỹ Nhà nước $\frac{1}{2}$ (một phần hai) giá trị 01 xe mô tô Suzuki Hayate biển số 36B2- 432.21 màu trắng - vàng - đen, số khung 0C0102976, số máy 4E4127096.

- Trả lại cho bà Phạm Thị A $\frac{1}{2}$ (một phần hai) giá trị 01 xe mô tô Suzuki Hayate biển số 36B2- 432.21 màu trắng - vàng - đen, số khung 0C0102976, số máy 4E4127096.

- Tịch thu tiêu hủy 1 (một) cây xà beng bằng sắt hình chữ L, dài khoảng 35 cm, 01 đầu đẹp, 01 đầu chẻ làm đôi.

(Theo biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 04/01/2019 và ngày 21/02/2019 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thị xã Dĩ An với Chi cục thi hành án dân sự thị xã Dĩ An).

4. Về án phí sơ thẩm: Áp dụng khoản 1, 2 Điều 99 Bộ luật Tố tụng Hình sự; điểm a, c khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc Hội khoá 14 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Các bị cáo Lê Văn T, Phạm Văn Th, mỗi bị cáo phải nộp 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm và 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các bị cáo có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc tổng đạt bản án hợp lệ./.

Nơi nhận:

- VKSND thị xã Dĩ An (01);
- Công an thị xã Dĩ An (03);
- Chi cục THA thị xã Dĩ An (01);
- TAND tỉnh Bình Dương (01);
- Người tham gia tố tụng (07);
- Sở tư pháp tỉnh Bình Dương (01);
- THA hình sự (04);

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- UBND xã, phường bị cáo thường trú (01);
- Phòng PV 27 CA tỉnh Bình Dương (01);
- Phòng PC 81 CA tỉnh Bình Dương (01);
- Lưu: VT, HSVA (02).

Võ Ngọc Công

